

TỈNH ỦY HƯNG YÊN

*

Số 65 - KH/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hung Yên, ngày 22 tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; các kế hoạch, thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương; các nghị quyết của Chính phủ và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Bảo đảm toàn hệ thống chính trị của tỉnh quán triệt nghiêm túc, nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gắn với sự phát triển giàu mạnh, hùng cường của tỉnh và quốc gia trong kỷ nguyên mới; cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư, Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025, Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương, Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/04/2025 của Chính phủ, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026, Nghị quyết số 193/2025/QH15, ngày 19/02/2025 của Quốc hội thành các mục tiêu, quy hoạch, chiến lược, đề án, dự án cụ thể, phù hợp với điều kiện của tỉnh, Nghị quyết của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030. Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu thực hiện; tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong thực hiện.

- Nâng cao nhận thức đúng đắn, tạo quyết tâm chính trị cao, tạo sự đồng thuận của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp và Nhân dân trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo ở mọi cấp, mọi ngành, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

- Ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số dựa trên những tiềm năng, lợi thế của tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, logistics...; Xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính thúc đẩy các đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhân tài, công nghệ.

2. Yêu cầu

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức đoàn thể nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Xác định đúng phương thức, không hình thức, không dàn trải, trong đó cơ chế, chính sách là yếu tố dẫn dắt, chuyển đổi số là động lực quan trọng, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy sự phát triển của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; triển khai thực hiện theo nguyên tắc thí điểm, đánh giá kết quả trước khi nhân rộng. Phát huy những tiềm năng, thế mạnh và lợi thế của tỉnh trên tất cả các lĩnh vực; xác định rõ những hạn chế, bất cập, điểm nghẽn, tác nhân gây cản trở để có giải pháp tháo gỡ kịp thời, triệt để. Tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tạo ra kết quả mang tính đột phá, mang lại hiệu ứng lan tỏa.

- Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, rõ ràng, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, phân công đầu mối chủ trì và đơn vị phối hợp gắn với thời gian thực hiện cụ thể; phân công trách nhiệm đảm bảo phương châm “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ kinh phí”, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với phân bổ nguồn lực với từng nhiệm vụ, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí; có cơ chế, công cụ đo lường, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

- Huy động sự tham gia của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, các trường đại học và toàn xã hội vào quá trình thực hiện. Thiết lập cơ chế phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa địa phương với các cơ quan Trung ương, giữa các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các sở, ban, ngành và doanh nghiệp, cộng đồng khoa học - công nghệ, giữa khu vực công và khu vực tư tránh chồng chéo, trùng lặp.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về kết quả các hoạt động quan trọng và kết quả thực hiện theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu; kiến nghị, đề xuất những khó khăn, vướng mắc của tỉnh để tháo gỡ các điểm nghẽn trong quá trình triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu của Kế hoạch đã đặt ra.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận và phát huy tính sáng tạo của toàn xã hội. Phổ biến rộng rãi mục tiêu, lộ trình, cách làm; khuyến khích nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ trí thức tham gia, đóng góp sáng kiến, nguồn lực; xây dựng phong trào thi đua nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số; kịp thời biểu dương, khen thưởng các điển hình tiêu biểu.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đến năm 2030, Hưng Yên thuộc nhóm 10 các địa phương xếp hạng cao cả nước về ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt mức tiên tiến ở một số lĩnh vực quan trọng; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của doanh nghiệp và ở một số ngành, lĩnh vực đạt trình độ khu vực, quốc gia, quốc tế; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, thực sự trở thành động lực tăng trưởng kinh tế, góp phần xây dựng Hưng Yên trở thành tỉnh giàu mạnh, văn minh, hiện đại, hạnh phúc; phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh.

- Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế địa phương thông qua đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực; nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trong tăng trưởng GRDP của tỉnh.

- Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D), kết nối chặt chẽ cơ sở nghiên cứu với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; khơi dậy tinh thần sáng tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ trong và ngoài nước.

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu số và đảm bảo dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, liên thông, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

- Xây dựng hạ tầng số hiện đại, thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi

tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Mục tiêu cụ thể: *(Chi tiết trong Phụ lục kèm theo).*

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Các cấp, các ngành tập trung ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện theo hướng phân công rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ kinh phí để làm cơ sở cho việc triển khai và đánh giá kết quả thực hiện. Xác định các nhiệm vụ và giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là những nội dung trọng tâm trong các quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của ngành, lĩnh vực và địa phương.

- Người đứng đầu các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị, chính trị xã hội là người trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm cao nhất về kết quả thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trước Tỉnh ủy.

- Xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương với các cơ quan Trung ương; giữa các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các sở, ban, ngành và doanh nghiệp, cộng đồng khoa học - công nghệ, giữa khu vực công và khu vực tư.

- Lồng ghép các nội dung về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các ngành, lĩnh vực và địa phương.

- Nghiên cứu bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào cấp ủy các cấp theo tỉ lệ phù hợp. Phần đầu mỗi ban, sở, ngành và địa phương có ít nhất 01 cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin.

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông

- Tiếp tục tổ chức quán triệt, học tập Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, doanh nhân, doanh nghiệp và người dân giúp nhận thức đầy đủ tầm quan trọng các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với hình thức đa dạng, phong phú như hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tài liệu, video...

- Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với hình thức đa dạng, phong phú trên Báo Hưng Yên, trên trang/cổng thông tin điện tử của các ngành, lĩnh vực và địa phương, các phương tiện thông tin đại

chúng, mạng xã hội trong và ngoài tỉnh để tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, quyết tâm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội. Xây dựng tài liệu, cẩm nang về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số dưới dạng dễ tiếp cận như video clip, infographic, mạng xã hội... Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động và quy tắc ứng xử khi tham gia môi trường số.

- Đẩy mạnh triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”, chương trình giáo dục số, phổ cập kỹ năng số, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên và người dân trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng khai thác dữ liệu số cho cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên và người lao động thông qua các báo cáo chuyên đề về chuyển đổi số. Trong đó tập trung các chuyên đề: sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản trị, điều hành của cơ quan quản lý nhà nước; phương pháp quản lý, khai thác dữ liệu trên nền tảng số; đảm bảo an ninh mạng;... Mỗi năm thực hiện ít nhất 03 chuyên đề liên quan đến: (i) Sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong điều hành, quản trị của cơ quan quản lý nhà nước; (ii) Phương pháp quản lý, khai thác dữ liệu trên nền tảng số; (iii) Đảm bảo an ninh mạng;...

- Đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng nhằm động viên kịp thời, xứng đáng các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù là nhỏ nhất.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền; thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện và vận động nhân dân tích cực tham gia công cuộc về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách đã phát huy hiệu quả trong khuyến khích, hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Thường xuyên rà soát, kịp thời cập nhật các quy định, cơ chế, chính sách mới của Nhà nước và điều kiện thực tế địa phương để sửa đổi, bổ sung các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh cho phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Liên tục rà soát, cập nhật nhiệm vụ mới vào các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 2025 - 2030, đồng bộ với quy hoạch tỉnh tầm nhìn tới năm 2050, tập trung cả hệ thống chính trị để thực hiện thành công các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch, biến tiềm năng thành hiện thực trong thời gian sớm nhất.

- Chủ động nghiên cứu rà soát, đề xuất ban hành cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, đột phá của tỉnh trong các lĩnh vực tỉnh định hướng, ưu tiên phát triển như: Y - Dược, giống cây trồng, thủy sản, công nghiệp phụ trợ, sản phẩm làng nghề truyền thống... và các lĩnh vực đang là mũi nhọn của tỉnh.

- Đổi mới cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện, rút gọn tối đa các thủ tục hành chính của nhiệm vụ. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính. Giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, kêu gọi xã hội hóa, hợp tác công - tư, quỹ đầu tư mạo hiểm... theo quy định

- Tiên phong thực hiện các nội dung do Trung ương chỉ đạo: Có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra. Chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tạo cơ chế, điều kiện chuyển giao công nghệ; sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới (sandbox), có kiểm soát rủi ro; tạo cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số. Hình thành các quỹ phát triển khoa học - công nghệ, quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.

- Nghiên cứu thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm (khi đủ điều kiện) có sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư vốn vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ.

- Ban hành danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ưu tiên thực hiện trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030 và các năm tiếp theo, làm căn cứ xây dựng, triển khai dự án trọng điểm cho các lĩnh vực có tiềm năng để thu hút đầu tư, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Phát triển các trung tâm nghiên cứu, đặc biệt là trường đại học của tỉnh trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo.

- Đầu tư, nâng cấp và có cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia giỏi, sử dụng tài sản hữu hình và tài sản trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp.

- Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo phương châm “nguồn lực ngân sách nhà nước là nền tảng để thúc đẩy, nguồn lực khu vực tư nhân và doanh nghiệp là chính”. Xem xét, ưu tiên các doanh nghiệp công nghệ lớn trong và ngoài nước đặt trụ sở tại tỉnh. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư lớn, có thương hiệu, thu hút FDI từ các đối tác thuộc các nước phát triển; ưu tiên thu hút các ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, mang lại giá trị gia tăng cao.

- Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch hành động. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định và lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải.

- Tiếp tục thực hiện và có các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh; khuyến khích mạnh mẽ khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tiếp thu và làm chủ công nghệ, ứng dụng, đổi mới công nghệ trong sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của tỉnh.

- Xây dựng chương trình, đề án, dự án đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo, trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định tại Khoản 6, Điều 3, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

- Khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập; tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách vượt trội, cơ chế áp dụng luồng xanh, áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt để hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược trong tỉnh quy mô lớn để phát triển hạ tầng số, dẫn dắt chuyển đổi số và đủ năng lực cạnh tranh quốc tế; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số ở tỉnh Hưng Yên; cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

4. Chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số

- Lồng ghép nội dung chiến lược tổng thể phát triển hạ tầng số vào quy hoạch tổng thể của tỉnh, trong đó ưu tiên triển khai công nghệ mới nhất cho các khu vực trọng điểm như khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh, các khu du lịch...

- Đẩy nhanh tiến độ ứng dụng và phát triển hạ tầng công nghệ số. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông triển khai mạng cáp quang băng rộng và mạng di động 5G, 6G đến 100% thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh, bảo đảm không có vùng lùm sóng. Nâng cấp đường truyền cho cơ quan đảng, nhà nước, trường học, bệnh viện để đáp ứng nhu cầu triển khai các dịch vụ số như: kết nối internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big data), trí tuệ nhân tạo (AI)...

- Tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số trên cơ sở hướng dẫn, quy định của Trung ương; chính sách đặc biệt để đào tạo, phát triển, thu hút tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số, công nghiệp an ninh mạng. Xây dựng và dùng chung các nền tảng số, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực.

- Đầu tư xây dựng (hoặc thuê dịch vụ) trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao (nếu có quy mô đủ lớn), ưu tiên công nghệ điện toán đám mây; phát triển Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và xây dựng quy chế về chia sẻ hạ tầng số. Phát huy hiệu quả dữ liệu quốc gia, dữ liệu của bộ, ngành để xây dựng dữ liệu của tỉnh bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ. Thực hiện chính sách bảo đảm dữ liệu thành nguồn tài nguyên tư liệu sản xuất quan trọng trên cơ sở hướng dẫn, quy định của Trung ương. Xác lập quyền sở hữu, kinh doanh dữ liệu và phân phối giá trị tạo ra từ dữ liệu. Phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng.

- Công bố danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh và xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung đã ban hành. Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cập nhật đầy đủ dữ liệu, kết nối, chia sẻ dùng chung. Xây dựng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh để thống nhất sử dụng chung dữ liệu và cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành.

- Xây dựng, phát triển các nền tảng số, dịch vụ số để đưa các hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số và công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp chính dựa trên dữ liệu số là chính, hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch; công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

- Phát triển hạ tầng đô thị thông minh, các mô hình đô thị mới theo định hướng giao thông (TOD). Xây dựng, phát triển đô thị khu vực Phố Hiến là đô thị thông minh, đô thị xanh, hiện đại, xứng tầm là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, dịch vụ, thương mại, đầu tàu kinh tế của tỉnh, có bản sắc riêng với sức thu hút và lan tỏa cao để phát triển các đô thị vùng trong tỉnh. Ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh...), có tính kết nối, liên thông; thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn. Hướng tới hình thành bản sao số (Digital Twin).

- Xây dựng hạ tầng nông thôn mới văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa theo hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở, các thiết chế văn hóa, thể thao, hệ thống điện, nước sinh hoạt, thông tin viễn thông...

5. Chiến lược phát triển hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp

- Xây dựng các chương trình, đề án trọng điểm về hạ tầng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gắn với những lĩnh vực kinh tế có thế mạnh, tiềm năng và định hướng phát triển theo Quy hoạch tỉnh (kinh tế xanh, kinh tế biển, kinh tế tuần hoàn, phát thải ròng bằng 0 (Net zero Carbon)). Phát huy vai trò dẫn dắt của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững: Các giải pháp tăng hàm lượng giá trị khoa học, công nghệ cao trong chế biến, chế tạo; đào tạo, phát triển nhân lực chất lượng cao; từng bước hình thành hệ sinh thái bán dẫn; thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư xây dựng các nhà máy trên địa bàn tỉnh sản xuất các sản phẩm thuộc ngành kinh tế số lõi như sản phẩm điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, linh kiện điện tử, linh kiện bán dẫn...

- Đầu tư nâng cao năng lực của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập và ngoài công lập; nâng cao năng lực hoạt động của các trung tâm nghiên cứu, đo lường, thử nghiệm, thí nghiệm phục vụ phát triển công nghệ và công nghiệp có thế mạnh của tỉnh. Tập trung hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, thực nghiệm và phát

triển khoa học, công nghệ. Chú trọng phát triển hạ tầng năng lượng hiện đại, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược. Hình thành khu công nghệ cao, các khu công nghiệp công nghệ số tập trung và các trung tâm đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh để thu hút các nguồn lực, hình thành lên các sản phẩm chiến lược của tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch phát triển Không gian Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên với chức năng hoạt động, dịch vụ hỗ trợ cho cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo... nhằm kết nối các nguồn lực, hỗ trợ sự phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tạo điều kiện kết nối viện - trường - doanh nghiệp, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để thành lập và phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ. Triển khai Đề án phát triển sàn giao dịch công nghệ tỉnh Hưng Yên kết nối đồng bộ với các sàn (trung tâm) giao dịch công nghệ của vùng, quốc gia, các tổ chức khoa học và công nghệ tại các viện nghiên cứu, trường đại học.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách đột phá nhằm khuyến khích và thúc đẩy mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp công nghệ cao; Hỗ trợ thủ tục pháp lý, văn phòng làm việc, đào tạo kỹ năng quản trị, marketing, gọi vốn...; Kết nối quỹ đầu tư, nhà đầu tư thiên thần, cộng đồng cố vấn cho các dự án khởi nghiệp tại địa phương.

- Ưu tiên các nhiệm vụ khoa học, công nghệ nhằm giải quyết vấn đề bức thiết tại địa phương như sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp an toàn theo hướng hữu cơ, chuyển đổi số trong nông nghiệp, công nghiệp chế biến, chế biến sâu các sản phẩm nông sản...; Tăng cường phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài tỉnh thúc đẩy công bố khoa học, đăng ký sở hữu trí tuệ.

- Tổ chức các cuộc thi, hội thảo về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo thúc đẩy tinh thần đổi mới, sáng tạo trong cộng đồng.

6. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

a) Xây dựng hoàn thiện Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới

- Xây dựng, triển khai các chương trình phối hợp, hỗ trợ các trường đại học và các trường cao đẳng, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh để phát triển đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học đủ năng lực, trình độ đáp ứng việc giảng dạy các lĩnh vực khoa học, công nghệ then chốt đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất

lượng cao và bồi dưỡng nhân tài.

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở nghiên cứu trong tỉnh liên kết, hợp tác với các cơ sở đại học, nghiên cứu tiên tiến trong và ngoài nước để trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ, năng lực hoạt động, tạo đột phá và chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện trong các lĩnh vực, hướng nghiên cứu trọng điểm, ưu tiên; thực hiện cơ chế phối hợp với các doanh nghiệp đặt hàng đào tạo nhân lực.

b) Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao

- Xây dựng và ban hành chính sách đặc thù, vượt trội để thu hút, tuyển dụng, giữ chân người có tài năng thực sự về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị tỉnh. Bố trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong cấp uỷ các cấp và đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, phấn đấu đạt tỷ lệ 25% trở lên.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số.

- Xác định rõ nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực; xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, chất lượng cao; có chính sách ưu đãi để thu hút, giữ chân nhân tài.

- Cụ thể hóa các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp...

- Tạo môi trường làm việc thông thoáng, văn minh, ban hành chính sách đãi ngộ, hỗ trợ (nhà ở, lương thưởng, môi trường nghiên cứu và phát triển...) để thu hút chuyên gia công nghệ cao, nhà khoa học giỏi đến làm việc.

- Thiết lập mạng lưới chuyên gia, hiệp hội trí thức người địa phương ở trong và ngoài nước, kết nối tri thức phục vụ địa phương.

- Thí điểm cơ chế hợp đồng linh hoạt với chuyên gia trong các lĩnh vực trọng điểm.

c) Xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức

- Xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số...) cho lãnh đạo các cấp; tổ chức các lớp tập huấn định kỳ.

- Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng cán bộ; liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia, du học, thực tập...

d) Xây dựng Kế hoạch đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề của địa phương, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường.

- Các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo nghề xây dựng đề án tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chú trọng giảng dạy kiến thức về khoa học và công nghệ, tin học, ngoại ngữ, rèn luyện năng lực thiết kế sáng tạo gắn với các dự án thực tế. Định hướng nghề nghiệp, tư vấn cho học sinh phổ thông theo đuổi khoa học, kỹ thuật và ngành kỹ thuật để chủ động, chuẩn bị trước một bước nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Có giải pháp, lộ trình tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao.

- Tăng cường đào tạo về kỹ năng số, kiến thức về công nghệ mới; khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo; triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số; tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm.

- Khuyến khích các đề tài khoa học sinh viên, thúc đẩy phong trào nghiên cứu, khởi nghiệp trong môi trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề.

e) Xây dựng Kế hoạch tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực

- Thúc đẩy hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước; đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo...

- Tạo điều kiện cho sinh viên, giảng viên thực tập, nghiên cứu tại doanh nghiệp.

- Mời các chuyên gia, doanh nhân tham gia giảng dạy.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển nguồn nhân lực quản trị công nghệ, chuyển đổi số, quản lý doanh nghiệp và nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

g) Có Kế hoạch xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành.

- Triển khai tạo lập, cập nhật, khai thác dữ liệu trên cơ sở dữ liệu số tập trung, thống nhất toàn quốc về nhân lực khoa học công, nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tăng cường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nên hệ sinh thái dữ liệu mở, thông minh và an toàn.

h) Tập trung phát triển nhân lực trong các lĩnh vực: công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, du lịch, logistics... Gắn kết phát triển nguồn nhân lực với quy hoạch phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, triển khai mô hình “đào tạo theo đơn đặt hàng”.

i) Xây dựng và triển khai Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao ở trong nước và nước ngoài nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng quản lý, nghiên cứu, tiếp thu, làm chủ, phát triển công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại của đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ, hình thành lực lượng chuyên gia khoa học và công nghệ trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

k) Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số, quản trị hiện đại, kỹ năng mềm cho cán bộ quản lý các cấp. Xây dựng kho học liệu mở, nền tảng học tập trực tuyến cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Bảo đảm lộ trình chuẩn hóa chức danh gắn với năng lực thực tiễn.

m) Định hướng nghề nghiệp sớm cho học sinh phổ thông, tăng cường giáo dục STEM và kỹ năng thực hành. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong các trường đại học, cao đẳng.

n) Thúc đẩy hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài tỉnh đã ký kết thoả thuận hợp tác với địa phương; đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo,... Xây dựng cơ chế liên kết giữa các tổ chức khoa học và công nghệ, trường đại học - doanh nghiệp, hình thành mạng lưới trung tâm chuyển giao công nghệ để tăng cường mối liên kết các viện, trường với doanh nghiệp. Tổ chức các hoạt động triển lãm, diễn đàn, sàn giao dịch, chợ công nghệ để giới thiệu, chuyển giao kết quả nghiên cứu, công nghệ mới đến các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh.

p) Xây dựng cơ sở dữ liệu về đội ngũ trí thức của tỉnh, làm tốt công tác dự báo, yêu cầu, kế hoạch phát triển đội ngũ trí thức trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương, bảo đảm số lượng, chất lượng, cân đối giữa các ngành, lĩnh vực. Xác định đội ngũ trí thức của từng ngành, lĩnh vực để có cơ chế, chính sách phù hợp cho từng nhóm sát với tình hình thực tiễn của Tỉnh.

7. Chiến lược xây dựng và phát triển chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số

- Phát triển chính quyền số theo hướng quản trị, điều hành của các cấp chính quyền dựa trên dữ liệu số. Xây dựng hoàn thiện các nền tảng số, cơ sở dữ liệu (CSDL) dữ liệu chuyên ngành hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh và thống nhất dùng chung, đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số. Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến thông qua việc chuẩn hóa quy trình, sử dụng dữ liệu số, tích hợp thanh toán không dùng tiền mặt, ký số từ xa, hỗ trợ người dân làm thủ tục bằng các ứng dụng di động, dịch vụ trợ lý ảo hỗ trợ hoạt động công vụ, tổ công nghệ số cộng đồng...

Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu quốc gia (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu; Xây dựng hoặc nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo hướng dẫn của Trung ương; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số; phát huy vai trò của Trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh, kết nối và phân quyền đến cấp xã giúp nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền. Tăng cường kết nối, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa địa phương với Trung ương; Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số.

- Phát triển kinh tế số dựa trên ứng dụng công nghệ số và giao dịch điện tử. Các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh hướng tới đầu tư, nâng cấp dây chuyền sản xuất, quản lý quy trình thông minh qua môi trường số. Triển khai nền tảng số tích hợp hệ thống cảm biến, camera, IoT để giám sát môi trường canh tác (đất, nước, dinh dưỡng, dịch bệnh...). Áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) trong dự báo thời tiết, năng suất, dịch bệnh cây trồng vật nuôi. Sử dụng thiết bị bay không người lái (drone), robot, tự động hóa trong khâu gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch. Lựa chọn một vài sản phẩm chủ lực của tỉnh để xây dựng mô hình thí điểm nông nghiệp số. Tiến tới hình thành các nhà máy thông minh, các mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh.

Tổ chức tư vấn, đào tạo miễn phí về bán hàng trực tuyến, viết mô tả sản phẩm, livestream, chăm sóc khách hàng... Ưu tiên đưa sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, nông sản sạch... lên các nền tảng thương mại điện tử. Hỗ trợ thiết kế logo, bao bì, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch - tăng nhận diện thương hiệu trên môi trường điện tử. Tổ chức hội chợ số, tuần lễ bán hàng trực tuyến, livestream nông sản...

- Phát triển xã hội số để người dân được bình đẳng tiếp cận các dịch vụ xã hội nói chung và dịch vụ số nói riêng để không ai bị bỏ lại phía sau. Mọi người dân đều có thể giao tiếp với chính quyền thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số hỗ trợ. Triển khai sâu rộng phong trào bình dân học vụ số đến với người dân để nâng cao nhận thức và kỹ năng số. Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân, kết nối thống nhất với cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia, phát triển bệnh viện thông minh, áp dụng AI, IoT, dữ liệu lớn trong chẩn đoán và điều trị. Mở rộng khám, tư vấn từ xa qua nền tảng số, đặc biệt ở vùng nông thôn, tích hợp hệ thống quản lý trạm y tế xã, hỗ trợ điều hành và giám sát y tế cơ sở. Ứng dụng phân tích dữ liệu y tế phục vụ dự báo dịch bệnh, quản lý y tế công cộng. Đưa việc giảng dạy và học tập kiến thức về chuyển đổi số trong các cấp học, nhất là ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo. Thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt trong khám chữa bệnh.

- Xây dựng Đề án cải thiện xếp hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI) tỉnh Hưng Yên để triển khai đồng bộ các nhiệm vụ về chuyển đổi số theo tổng thể và toàn

diện, đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra trong các Nghị quyết, Kế hoạch, Chương trình của tỉnh.

8. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

- Đảm bảo xây dựng hệ thống chính quyền số an toàn, tin cậy, bảo vệ dữ liệu cá nhân và dữ liệu quan trọng của tỉnh. Ưu tiên sử dụng công nghệ, phần mềm, thiết bị số do Việt Nam làm chủ hoặc được kiểm soát an toàn. Tổ chức phân loại hệ thống thông tin theo cấp độ và triển khai đầy đủ mô hình bảo đảm an toàn theo quy định. Xây dựng, nâng cấp Trung tâm điều hành an toàn thông tin (SOC) cấp tỉnh, kết nối với hệ thống giám sát quốc gia. Tăng cường năng lực đánh giá, giám sát và ứng cứu sự cố an toàn thông tin tại các cơ quan nhà nước. Ban hành quy chế phối hợp giữa các đơn vị về chia sẻ dữ liệu và xử lý sự cố bảo mật. Tổ chức đào tạo, tập huấn thường xuyên về an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách và người dùng. Áp dụng các giải pháp công nghệ như mã hóa, xác thực, sao lưu và phục hồi dữ liệu. Kiểm tra, đánh giá an toàn định kỳ và trước khi đưa hệ thống vào vận hành. Ưu tiên sử dụng nền tảng, phần mềm bảo mật nội địa đạt tiêu chuẩn. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố mạng máy tính. Định kỳ kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng; Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng; Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố; phối hợp với cơ quan chức năng để kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về an toàn thông tin.

9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong và ngoài khu vực để thúc đẩy hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các viện, trường, nhà khoa học có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển; phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và các công nghệ chiến lược khác. Tổ chức xúc tiến, thu hút các doanh nghiệp công nghệ lớn đến đầu tư sản xuất, kinh doanh tại Khu Công nghiệp của tỉnh.

- Liên kết với thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng sông Hồng để đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học và công nghệ cấp vùng. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược.

- Khuyến khích kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp công nghệ quốc tế; thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao.

- Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

10. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch hành động, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, kết quả của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh

- Lãnh đạo, điều hành thống nhất các tổ chức, cơ quan, đơn vị của tỉnh trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; đôn đốc, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương để bảo đảm tiến độ, chất lượng thực hiện Kế hoạch hành động này và nội dung nhiệm vụ tại Chương trình làm việc hàng năm của Ban Chỉ đạo tỉnh. Tiếp tục xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ giai đoạn tiếp theo.

- Kịp thời đề xuất, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thể chế, chính sách, giải pháp thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khi có khó khăn, vướng mắc; báo cáo tiến độ định kỳ hoặc đột xuất. Nghiên cứu đề xuất và triển khai thực hiện các sáng kiến đột phá có tính chiến lược, dẫn dắt, bảo đảm đồng bộ, chặt chẽ và phù hợp với tình hình của tỉnh.

- Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát hàng năm hoặc đột xuất tại các cơ quan, đơn vị; chỉ đạo xử lý kịp thời những sai sót, chậm trễ.

- Hướng dẫn, tổng hợp, đánh giá kết quả sau mỗi giai đoạn (3 tháng, 6 tháng, 1 năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ), báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương khi có yêu cầu.

2. Thường trực Tỉnh ủy

- Trực tiếp chỉ đạo Ban Chỉ đạo tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân, các ban đảng, các cấp ủy trực thuộc trong việc quán triệt, triển khai hiệu quả Kế hoạch hành động này; định kỳ nghe Ban Chỉ đạo tỉnh báo cáo về tiến độ, kết quả, những vấn đề liên quan đến triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư.

- Chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi có sự thay đổi lớn về bối cảnh (chính sách, công nghệ, điều kiện kinh tế - xã hội...); xem xét, cho ý kiến về cơ chế đặc thù, chính sách khuyến khích, cân đối nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy (Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Nội chính...) phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh để kiểm tra, giám sát; xử lý tập thể, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong thực hiện Kế hoạch hành động.

- Trực tiếp chỉ đạo việc khen thưởng, biểu dương điển hình, xử lý sai phạm (nếu có) trong quá trình triển khai.

3. Các cấp ủy đảng trực thuộc

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể phù hợp với đặc thù theo ngành, lĩnh vực và địa phương dựa trên Kế hoạch hành động chung; quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đến cán bộ, đảng viên, nhân dân.

- Đảng ủy Ủy ban nhân dân lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cùng cấp (Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân) cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp tại địa bàn (phát triển hạ tầng số, huy động nguồn lực, đào tạo nhân lực...).

- Gửi báo cáo tiến độ, khó khăn, kiến nghị cho Ban Chỉ đạo tỉnh; kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh; phối hợp với các đoàn kiểm tra, giám sát do Ban Chỉ đạo, các ban đảng cấp trên tiến hành.

- Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm: Đánh giá kết quả thực hiện tại địa phương, đơn vị; biểu dương những điển hình tốt; đề xuất giải pháp mới.

- Tạo cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

4. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy

- Văn phòng Tỉnh ủy: Là Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiện toàn Ban Chỉ đạo tỉnh; bố trí nhân sự có trình độ năng lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với Phòng Chuyên đổi số - Cơ yếu; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trong tổng hợp, theo dõi, kiểm tra tiến độ, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh và theo quy chế làm việc của Tỉnh ủy; bảo đảm thông tin kịp thời, thông suốt.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Chủ trì, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng và triển khai các giải pháp về công tác cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ, đảm bảo cơ cấu hợp lý, đặc biệt là bố trí, sử dụng cán bộ có trình độ chuyên môn về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số vào vị trí lãnh đạo, quản lý và các chức danh có cơ cấu tham gia cấp ủy các cấp. khoa học, kỹ thuật, công nghệ để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.

Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong hệ thống chính trị, nhất là trong các cơ quan đảng, nhằm đảm bảo năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đề xuất các chính sách trọng dụng, đãi ngộ, thu hút nhân tài, đặc biệt là những cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật, công nghệ, nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong toàn tỉnh.

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy: Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo và các cơ quan liên quan quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các văn bản liên quan đến Nghị quyết số 57-NQ/TW; Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị chỉ đạo, tổ triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, định kỳ báo cáo Ban chỉ đạo tỉnh tại các kỳ họp của Ban chỉ đạo; hướng dẫn tuyên truyền nội bộ, trên báo chí và trên các nền tảng mạng xã hội.

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy: Phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, phát hiện và xử lý vi phạm, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy.

- Ban Nội chính Tỉnh ủy: Theo dõi, tổng hợp tình hình, nghiên cứu đề xuất giải pháp đấu tranh với sai phạm trong triển khai các dự án khoa học, công nghệ.

5. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Kế hoạch hành động này chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án triển khai cụ thể về: Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực; chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục,... phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phân kỳ thực hiện (theo năm, giai đoạn 5 năm), phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thể chế, cơ chế, chính sách cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới phục vụ phát triển

khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc; xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân cấp dưới triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Đề xuất hoặc ban hành các cơ chế, chính sách về thu hút đầu tư, nhân tài; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; ưu tiên ngân sách, khuyến khích đối tác công tư, quỹ đầu tư mạo hiểm. Tạo môi trường thuận lợi về thủ tục hành chính, pháp lý để tổ chức, cá nhân yên tâm tham gia đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ.

- Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo và Thường trực Tỉnh ủy về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch nếu thấy cần thiết.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

- Chủ trì, phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch hành động của Tỉnh ủy.

- Tổ chức phát động và triển khai hiệu quả các phong trào thi đua về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện; kịp thời tổng hợp, phản ánh những khó khăn, vướng mắc, bất cập về Ban Chỉ đạo tỉnh.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, tổ chức Đoàn, hội, hiệp hội; tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số trong tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn nâng cao kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân.

- Tổ chức tuyên truyền, triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”; lồng ghép hiệu quả với các chương trình, đề án, cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì, đặc biệt là phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023–2030”.

- Tăng cường giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện của các tổ

chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý tồn tại, hạn chế; đồng thời biểu dương, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả và các điển hình tiên tiến.

7. Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên

Xây dựng chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội.

8. Cơ chế thông tin, báo cáo; sơ kết, tổng kết

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; ban, sở, ngành tỉnh; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh định kỳ hằng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động gửi về Ban Chỉ đạo tỉnh; Ban Chỉ đạo tỉnh tổng hợp, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng thời gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo Trung ương và cập nhật vào hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Trung ương.

- Hàng năm, Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức kiểm tra liên ngành tại một số địa phương, đơn vị trọng điểm. Ban Chỉ đạo tỉnh phối hợp với các ban đảng, ủy ban nhân dân sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; có thể điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ nếu cần. Giữa và cuối nhiệm kỳ hoặc theo định kỳ 2,5 năm, tổ chức sơ kết, tổng kết theo giai đoạn trên phạm vi toàn tỉnh; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

9. Kinh phí thực hiện và nguồn lực hỗ trợ

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch đảm bảo từ ngân sách, các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và đảm bảo bố trí tối thiểu 3% tổng chi ngân sách tỉnh hàng năm.

- Khuyến khích các mô hình hợp tác công tư (PPP) trong đầu tư hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng cơ chế linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát để tránh lãng phí, tiêu cực.

Giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này; định kỳ báo cáo kết quả, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh; đồng thời đề xuất bổ sung, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh trong từng giai đoạn, bảo đảm thực hiện đạt các mục tiêu đề ra.

Kế hoạch hành động này thay thế các Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: số 433-KH/TU, ngày 11/6/2025 và số 443-KH/TU, ngày 25/6/2025. Các nhiệm vụ đang triển khai theo Kế hoạch số 433-KH/TU, ngày 11/6/2025 và Kế hoạch số 443-KH/TU, ngày 25/6/2025 đã được rà soát, điều chỉnh để tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- BCD TW về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (để báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Thành viên Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên,
- Thành viên Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo,
- VPTU: LĐVPTU, phòng CDS-CY^{Đài},
- Lưu: VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Phạm Quang Ngọc



PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số 65 -KH/TU ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Mục tiêu đến hết năm 2030	Mục tiêu đến hết năm 2035	Mục tiêu đến hết năm 2040	Mục tiêu đến hết năm 2045	Cơ quan chủ trì đánh giá
I	Phát triển hạ tầng				
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 100%.	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 50%	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 80%.	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%.	Sở Khoa học và Công nghệ
2	100% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s				Sở Khoa học và Công nghệ
3	Duy trì hoạt động và nâng cấp Trung tâm thông tin chỉ huy Công an tỉnh, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh (IOC) tuân thủ các quy định về an toàn thông tin, phân cấp, phân quyền trong quản lý và khai thác dữ liệu				Công an tỉnh
II	Phát triển nguồn lực				
1	Có $\geq 3\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, ưu tiên tăng dần theo yêu cầu phát triển; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo				Sở Tài chính

STT	Mục tiêu đến hết năm 2030	Mục tiêu đến hết năm 2035	Mục tiêu đến hết năm 2040	Mục tiêu đến hết năm 2045	Cơ quan chủ trì đánh giá
	và chuyển đổi số của tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 3% GRDP				
2	100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	97% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	99% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	Sở Khoa học và Công nghệ
3	100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành				Sở Khoa học và Công nghệ
4	90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	95% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	80% - 90% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...)	99% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	các sở, ngành liên quan
5	Có từ 12 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân	Có từ 20 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân	Có từ 33 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân	Có từ 54 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân	Sở Khoa học và Công nghệ
6			Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ	Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình	

STT	Mục tiêu đến hết năm 2030	Mục tiêu đến hết năm 2035	Mục tiêu đến hết năm 2040	Mục tiêu đến hết năm 2045	Cơ quan chủ trì đánh giá
			hàng đầu, hình thành “cụm chuyên gia”	thành “cụm chuyên gia”	
III	Phát triển khoa học, công nghệ				
1	Có ≥ 17 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn	Có ≥ 25 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn	Có ≥ 30 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn,	Có ≥ 35 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Có ≥ 6 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh	Có ≥ 8 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh	Có ≥ 10 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh	Có ≥ 12 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Có ≥ 600 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh	Có ≥ 1.200 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh	Có ≥ 2.000 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh	Có ≥ 3.000 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Mỗi năm có ≥ 50 nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được triển khai	Mỗi năm có ≥ 50 nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được triển khai	Mỗi năm có ≥ 50 nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được triển khai	Mỗi năm có ≥ 60 nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được triển khai	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Có $\geq 50\%$ kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu	Có $\geq 60\%$ kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được	Có $\geq 80\%$ kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được ứng dụng	Có $\geq 80\%$ kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Mục tiêu đến hết năm 2030	Mục tiêu đến hết năm 2035	Mục tiêu đến hết năm 2040	Mục tiêu đến hết năm 2045	Cơ quan chủ trì đánh giá
		ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu	thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu		
6	Mỗi năm có ≥ 25 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích)	Mỗi năm có ≥ 50 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích)	Mỗi năm có ≥ 100 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích)	Mỗi năm có ≥ 150 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích)	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Có $\geq 25\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh	Có $\geq 40\%$ tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh	Có $\geq 60\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh	Có $\geq 80\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Mỗi năm có ≥ 15 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI)	Mỗi năm có ≥ 20 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI)	Mỗi năm có ≥ 30 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI)	Mỗi năm có ≥ 40 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI)	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Mỗi năm có ≥ 1 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực	Mỗi năm có ≥ 1 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực	Mỗi năm có ≥ 1 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực	Mỗi năm có ≥ 1 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị	Làm chủ một số công nghệ chiến	Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong		Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Mục tiêu đến hết năm 2030	Mục tiêu đến hết năm 2035	Mục tiêu đến hết năm 2040	Mục tiêu đến hết năm 2045	Cơ quan chủ trì đánh giá
	thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân	lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân	quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân		nghệ
IV	<i>Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo</i>				
1	Có ≥ 100 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Có ≥ 300 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Mỗi năm có 50 đến 60 dự án khởi nghiệp sáng tạo	Mỗi năm có 50 - 70 dự án khởi nghiệp sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Có ≥ 2 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo	Có ≥ 5 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo	Có ≥ 10 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo	Có ≥ 15 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	Có $\geq 50\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	Có $\geq 70\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	Có $\geq 90\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Mỗi năm có ≥ 60 sản phẩm đổi	Mỗi năm có ≥ 150	Mỗi năm có ≥ 300	Mỗi năm có ≥ 500 sản	Sở Khoa học

STT	Mục tiêu đến hết năm 2030	Mục tiêu đến hết năm 2035	Mục tiêu đến hết năm 2040	Mục tiêu đến hết năm 2045	Cơ quan chủ trì đánh giá
	mới sáng tạo được thương mại hóa	sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa	sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa	phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa	và Công nghệ
5	Mỗi năm có $\geq 3-5$ dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	Mỗi năm có $\geq 10-15$ dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	Mỗi năm có ≥ 50 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	Mỗi năm ≥ 75 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Mỗi năm có ≥ 3 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh	Mỗi năm có ≥ 6 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh	Mỗi năm có ≥ 12 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh	Mỗi năm có ≥ 24 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Mỗi năm có ≥ 50 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo	Mỗi năm có ≥ 200 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo	Mỗi năm có ≥ 500 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo	Mỗi năm có ≥ 800 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Có $\geq 15\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường	Có $\geq 40\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường	Có $\geq 60\%$ vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường	Có $\geq 80\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Mỗi năm có ≥ 10 sáng kiến được công nhận, áp dụng	Mỗi năm có ≥ 20 sáng kiến được công nhận, áp dụng	Mỗi năm có ≥ 30 sáng kiến được công nhận, áp dụng	Mỗi năm có ≥ 50 sáng kiến được công nhận, áp dụng	Sở Khoa học và Công nghệ
10	-	-	Có 5 - 10 trung tâm đổi mới sáng tạo		Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Mục tiêu đến hết năm 2030	Mục tiêu đến hết năm 2035	Mục tiêu đến hết năm 2040	Mục tiêu đến hết năm 2045	Cơ quan chủ trì đánh giá
			trọng điểm thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư		nghệ
V	Phát triển chuyển đổi số				
1	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh $\geq 0,75$	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh $\geq 0,85$	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh $\geq 0,92$	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh đạt 1,0	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Có 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền				Văn phòng UBND tỉnh
3	100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	Văn phòng UBND tỉnh
4	100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”. Giao dịch không dùng tiền mặt đạt trên 80%.	Có $\geq 95\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	Văn phòng UBND tỉnh
5	100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	Có $\geq 90\%$ hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	100% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	100% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	Văn phòng UBND tỉnh
6	100% dịch vụ công trực tuyến	100% cơ sở dữ	100% cơ sở dữ liệu	100% cơ sở dữ liệu của tỉnh	Văn phòng

STT	Mục tiêu đến hết năm 2030	Mục tiêu đến hết năm 2035	Mục tiêu đến hết năm 2040	Mục tiêu đến hết năm 2045	Cơ quan chủ trì đánh giá
	toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương	của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương	được số hóa & liên thông với Trung ương	UBND tỉnh
7	Có $\geq 85\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	100% dữ liệu của các sở, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP	100% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP	100% dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP	Văn phòng UBND tỉnh
8	Có $\geq 70\%$ hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	Có $\geq 85\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	Có $\geq 95\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	100% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Có $\geq 80\%$ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông tới Trung ương	Có $\geq 95\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt 20%	100% người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 30%	100% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 40%	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh
10	Có $\geq 85\%$ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP	Có 100% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP	Có 100% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP	Có 100% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh
11	Có $\geq 60\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	Có $\geq 85\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	Có $\geq 95\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	Có 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Mục tiêu đến hết năm 2030	Mục tiêu đến hết năm 2035	Mục tiêu đến hết năm 2040	Mục tiêu đến hết năm 2045	Cơ quan chủ trì đánh giá
12	Có $\geq 80\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số $\geq 10\%$.	Có $\geq 95\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số $\geq 25\%$.	Có 100% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số $\geq 30\%$.	Có 100% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số $\geq 45\%$.	Công an tỉnh
13	Có $\geq 90\%$ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất. Thực hiện quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị tỉnh và với Trung ương	100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất. Các hệ thống đảng số, chính quyền số vận hành hoàn toàn thông minh	Sở Khoa học và Công nghệ
VI	Phát triển kinh tế số				
1	Quy mô kinh tế số đạt 30% GRDP	Quy mô kinh tế số đạt 40% GRDP	Quy mô kinh tế số đạt 45% GRDP	Kinh tế số đạt 50% GRDP trở lên; các ngành đều có khả năng cạnh tranh, xuất khẩu dịch vụ số, sản phẩm công nghệ cao	Sở Công Thương và các cơ quan liên quan

STT	Mục tiêu đến hết năm 2030	Mục tiêu đến hết năm 2035	Mục tiêu đến hết năm 2040	Mục tiêu đến hết năm 2045	Cơ quan chủ trì đánh giá
2	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế phần đầu đạt mức trên 45%, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế phần đầu đạt mức trên 50%	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế phần đầu đạt mức trên 55%	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế phần đầu đạt mức trên 60%, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương	Chi Cục thống kê Hưng Yên

PHỤ LỤC II

NHIỆM VỤ CỤ THỂ ĐẢNG ỦY UBND TỈNH CHỈ ĐẠO CÁC SỞ, NGÀNH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN

(Kèm theo Kế hoạch số 65 -KH/TU ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I	Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia				
1.	Xây dựng chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội.	Báo và Đài phát thanh truyền hình tỉnh Hưng Yên	Sở Khoa học và Công nghệ	Chương trình	Hàng quý
2.	Xây dựng chương trình, kế hoạch phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh được ban hành	Quý I hàng năm
3.	Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch công tác	Quý IV hàng năm
4.	Bổ trí tỉ lệ cán bộ, công chức có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Nội vụ	Có tỉ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo	Hàng năm
5.	Tổ chức triển khai thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, phổ cập và nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030 (Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 17/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các lớp tập huấn, đào tạo bồi dưỡng	Quý III hàng năm

6.	Ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” trong toàn tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý I hàng năm
7.	Xây dựng các Đề án nâng cao chỉ số xếp hạng PII, TFP, DTI tỉnh Hưng Yên để triển khai đồng bộ các nhiệm vụ về chuyển đổi số theo tổng thể và toàn diện, đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra trong các Nghị quyết, Kế hoạch, Chương trình của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Đề án của UBND tỉnh	Tháng 5/2026
II	Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
8.	Rà soát, số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.	Các sở, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cắt giảm tối đa thủ tục hành chính	Thường xuyên
9.	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.	Các sở, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	Thường xuyên
10.	Rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách, quy định pháp luật trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao, bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Tư pháp		Theo đề nghị của bộ, ngành

11.	Xây dựng Đề án thành lập Khu công nghệ cao tỉnh Hưng Yên	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Đề án được ban hành	Tháng 5/2026
12.	Xây dựng Đề án đưa Hưng Yên trở thành trung tâm y tế chất lượng cao của cả nước trên cơ sở phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số	Sở Y tế	Các sở, ngành, địa phương	Đề án được ban hành	Tháng 6/2026
13.	Xây dựng Đề án xây dựng Hưng Yên trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao phục vụ đề án đưa Hưng Yên trở thành tỉnh công nghệ hiện đại đến năm 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương	Đề án được ban hành	Tháng 6/2026
14.	Xây dựng Đề án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	Đề án được ban hành	Tháng 7/2026
III Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh					
15.	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo thực hiện	Thường xuyên
16.	Phối hợp các Bộ, ngành triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Triển khai sử dụng	Theo hướng dẫn của các Bộ, ngành
17.	Xây dựng, đề xuất triển khai các đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...	Các sở, ngành liên quan	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định của UBND tỉnh	Khi có hướng dẫn của các bộ, ngành
18.	Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai hạ tầng IoT trong các khu khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hạ tầng 5G trên toàn tỉnh.	Các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Hạ tầng IoT, trạm 5G	Thường xuyên

19.	Thực hiện kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu.	Các sở, ngành, địa phương	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành kết nối	Thường xuyên
20.	Nâng cấp hệ thống, xây dựng phương án an toàn thông tin, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT	Các sở, ngành, địa phương	Công an tỉnh	Phương án	Thường xuyên
21.	Chủ động rà soát, đánh giá hiệu quả việc triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC) để có phương án khai thác, sử dụng hiệu quả.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Báo cáo, phương án chỉ đạo, điều hành bằng dữ liệu	Quý III năm 2026 hàng năm
22.	Đẩy mạnh kết nối, liên thông dữ liệu, ứng dụng phục vụ chỉ đạo, điều hành của các lãnh đạo và các cấp chính quyền bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí, đáp ứng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.	Các sở, ngành liên quan	Sở Khoa học và Công nghệ	Kết nối, chia sẻ dữ liệu, cung cấp dữ liệu mở	Thường xuyên
23.	Thực hiện rà soát, khắc phục những hạn chế, bất cập để: (1) Cung cấp 25 dịch vụ công trực tuyến toàn trình đã tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia phục vụ người dân, doanh nghiệp (Phụ lục II kèm theo). (2) Cung cấp 982 dịch vụ công trực tuyến với số lượng hồ sơ trung bình của mỗi dịch vụ công phát sinh ít nhất 10 hồ sơ/năm/tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	Thường xuyên
24.	Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho các hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu, ứng dụng triển khai tại các bộ, cơ quan, địa phương.	Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh,	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành, địa phương	Các hệ thống thông tin được bảo vệ	Thường xuyên
IV	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia				

25.	Hướng dẫn, tổ chức triển khai chính sách, cơ chế đặc thù, chính sách ưu tiên, đột phá trong thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài, nhất là chính sách tuyển dụng, tiền lương, tạo môi trường làm việc, tập trung vào các nhà khoa học giỏi, có trình độ chuyên môn cao về Hưng Yên làm việc, sinh sống.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Các chế độ, chính sách của HĐND tỉnh được triển khai	Quý II năm 2026
26.	Thực hiện Quyết định số 2711/QĐ-TTg ngày 12/12/2025 của Thủ tướng chính phủ về Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 10/3/2026)	Các sở, ngành, địa phương	Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ	Các nhiệm vụ theo Kế hoạch được triển khai	Thường xuyên
V	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh				
27.	Thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương liên quan	Kết quả hỗ trợ	Thường xuyên
28.	Các địa phương tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.	Các sở, ngành, địa phương	Các cơ quan liên quan	Dữ liệu các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa	2026 và những năm tiếp theo
VI	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp				
29.	Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các bài toán được công bố trên Cổng TTĐT của tỉnh	Hàng năm
30.	Triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ	Ban Quản lý Khu công	Sở Khoa học và Công nghệ	Các khu công nghiệp công nghệ số được	Tháng 6/2028

	tăng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	ng nghiệp tỉnh, Sở Công Thương, Sở Tài chính và địa phương liên quan		triển khai	
31.	Tổ chức triển khai chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Công thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ	Triển khai thực hiện theo chương trình đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 443/QĐ-UBND	Thường xuyên
VII	Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
32.	Ký kết các chương trình phối hợp, hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Bản ghi nhớ hợp tác	Thường xuyên
33.	Xây dựng tài liệu, ấn phẩm giới thiệu về môi trường, đầu tư kinh doanh của tỉnh Hưng Yên nhằm cung cấp các thông tin cho các đoàn của tỉnh Hưng Yên và các đoàn của Bộ ngành, trung ương khi tham gia các hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tài liệu, ấn phẩm	2025-2030
34.	Tổ chức học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Báo cáo UBND tỉnh	Thường xuyên
35.	Cử cán bộ tham gia chương trình hợp tác nghiên cứu quốc tế, tham gia các diễn đàn, hội nghị về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Báo cáo UBND tỉnh	Thường xuyên